

CÔNG TY TNHH THỦ CÔNG MỸ NGHỆ MANTEIV
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỦ CÔNG MỸ NGHỆ MANTEIV

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MANTEIV HANDICRAFT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MANTEIV CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110631456

3. Ngày thành lập: 26/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Trung Cao, Xã Trung Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968934892

Fax:

Email: Support@trunghoa.com.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
12.	Khai thác gỗ	0220
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
14.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn thuế)	6619

15.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020
16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn đấu thầu - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	7110
17.	Quảng cáo	7310
18.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
19.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
20.	Cho thuê xe có động cơ	7710
21.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690
22.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
23.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
24.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
25.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
26.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
27.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
28.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
29.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629(Chính)
30.	In ấn	1811
31.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
32.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
33.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
34.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
35.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
36.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
37.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
38.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
39.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932

40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
41.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
43.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
44.	Đại lý du lịch	7911
45.	Điều hành tua du lịch	7912
46.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
47.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
48.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
49.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
50.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
51.	Xây dựng nhà để ở	4101
52.	Xây dựng nhà không để ở	4102
53.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
54.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
55.	Xây dựng công trình điện	4221
56.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
57.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
58.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
59.	Xây dựng công trình thủy	4291
60.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
61.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
62.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
63.	Phá dỡ	4311
64.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);	4312
65.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ ĐOAN	Việt Nam	Thôn Trung Cao, Xã Trung Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.470.000.000	49,000	001167033017	
2	NGUYỄN MINH CHÂU	Việt Nam	Thôn Trung Cao, Xã Trung Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.530.000.000	51,000	001196011897	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN MINH CHÂU

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/02/1996

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001196011897

Ngày cấp: 04/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn Trung Cao, Xã Trung Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Trung Cao, Xã Trung Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội